



lóng juǎn fēng

龙卷风

noun · tornado; cyclone

Example Sentences

Zuó tiān nà ge lóng juǎn fēng huǐ huài le hěn duō fáng wū
昨天那个龙卷风毁坏了很多房屋。

That tornado yesterday destroyed many houses.

Lóng juǎn fēng lái de shí hou dà jiā yào duǒ zài dì xià shì lǐ
龙卷风来的时候，大家要躲在地下室里。

When a tornado comes, everyone should hide in the basement.

Trace each character, then write the word on your own.

龙	龙	龙	龙	龙	龙	龙	龙				
卷	卷	卷	卷	卷	卷	卷	卷	卷	卷	卷	卷
风	风	风	风	风	风	风					